

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/4/2021

V/v “Tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Ngô rô Be

- Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Thanh T** – sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lê Thanh Toàn: **Luật sư Lê Quang Đ** – Văn phòng Luật sư Lê Quang Đăng – Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- Bi đơn: Chị **Bùi Thị Mỹ C** – sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Thanh T trình bày:** Anh và chị Bùi Thị Mỹ C tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau 1 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 03/05/2013, hôn nhân tự nguyện không bị ép buộc.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, có nhiều quan điểm bất đồng, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Bùi Ái V, sinh ngày 17/4/2014. Hiện nay đã có giấy khai sinh và đang chung sống với mẹ.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

Nay tại tòa án anh Lê Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị Mỹ C.

- *Về con chung*: Anh đồng ý giao cháu Lê Bùi Ái V, sinh ngày 17/4/2014 cho chị Bùi Thị Mỹ C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho cháu V mỗi tháng với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn) cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn chị Bùi Thị Mỹ C**: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho chị Bùi Thị Mỹ C tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng chị C đều xin giải quyết vắng mặt và không có lời trình bày.

*** Phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Lê Thanh Toàn là Luật sư Lê Quang Đăng:**

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị C kết hôn hợp pháp theo đúng quy định pháp luật về Luật hôn nhân và gia đình. Do trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị không thấu hiểu nhau, có nhiều quan điểm bất đồng, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến hôn nhân không tìm thấy hạnh phúc. Lâu dần mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khả năng hàn gắn nên yêu cầu cho anh Toàn được ly hôn với chị C.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Bùi Ái V, sinh ngày 17/4/2014 cho chị Bùi Thị Mỹ C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì hiện

tại chị C đang nuôi dưỡng cháu và phía anh T vẫn tới lui chăm nom chăm sóc con chung trong thời gian vợ chồng ly thân. Anh T đồng ý giao cháu Lê Bùi Ái V cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, nhưng sau ly hôn đề nghị Tòa án giành quyền cho anh T được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, nên yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn chị Bùi Thị Mỹ C đang cư trú tại ấp T, xã H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Bùi Thị Mỹ C mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, phía anh Toàn đồng ý xét xử vắng mặt anh chị C. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị C là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại xã H, huyện Tân Hiệp ngày 03/5/2013 theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của anh T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh, chị có nhiều quan điểm bất đồng, không thấu hiểu lẫn nhau nên vợ chồng thường xuyên cự cãi đời sống chung không tìm thấy hạnh phúc. Lâu dần mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không có khả năng hàn gắn, do đó anh T, chị C đã ly thân từ tháng năm 2016 cho đến nay.

Tại phiên tòa, anh T xác định trong thời gian ly thân hơn 4 năm, anh đã nhiều lần cố gắng hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau nuôi dưỡng con chung nhưng không được mà tình cảm vợ chồng ngày càng xa

cách, không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nay anh không thể chung sống với chị C được nữa nên anh cương quyết ly hôn với chị C.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ly thân vợ chồng anh T, chị C không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thể hiện được tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;.... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,....”, điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng không khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ cho chị C tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập chị C tham gia phiên tòa nhưng chị C đều xin vắng mặt. Điều này chứng tỏ rằng chị C không có thiện chí muốn hòa giải để trở về tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh T.

[4] Về con chung: Hội đồng sơ thẩm xét thấy, trong quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị C có 01 con chung tên Lê Bùi Ái V, sinh ngày 17/4/2014, hiện nay cháu V đang được chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng anh T, chị C ly thân cho đến nay cháu V vẫn được chị C nuôi dưỡng, nếu đột ngột thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi vợ chồng anh, chị ly hôn thì ít nhiều cũng ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của cháu V. Hơn nữa, về phía anh T xác định chị C vẫn đang nuôi dưỡng cháu V được phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần, anh thống nhất tiếp tục giao cháu V cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Lê Bùi Ái V cho chị C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng, Anh T tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Lê Bùi Ái V mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Lê Thanh T và quan điểm tranh luận của luật sư Lê Quang Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Anh T được ly hôn với chị C

Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Bùi Ái V, sinh ngày 17/4/2014 cho chị Bùi Thị Mỹ C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Thanh T được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thanh T về việc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Bùi Ái V mỗi tháng với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm 07/4/2021 đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Lê Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Thanh T được ly hôn với chị Bùi Thị Mỹ C.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Bùi Ái V, sinh ngày 17/4/2014 cho chị Bùi Thị Mỹ C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Thanh T được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thanh T về việc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Bùi Ái V mỗi tháng với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm 07/4/2021 đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Bùi Thị Mỹ C có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lê Thanh T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh Lê Thanh T phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa miễn xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng anh Lê Thanh T phải nộp án phí là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008156 ngày 29/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Anh Lê Thanh T còn phải nộp tiếp án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn).

5. Quyền kháng cáo, anh Lê Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với chị Bùi Thị Mỹ C có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Tân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

